

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Ông Lâm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp PL B, xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phi Th, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp PL B, xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp PL B, xã PT B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phi Th cưới nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT B, huyện HN, hôn nhân tự tình hiểu trước. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do anh Th không chăm lo đời sống gia đình, chỉ lo ăn chơi, một mình chị nuôi con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2018, chị về quê sinh con, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Gia đình người lớn hai bên cũng không gặp nhau để hàn gắn cho anh chị. Nay tình cảm không còn, chị L yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về việc nuôi con: Có hai con chung tên Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày: 08/5/2012 và Nguyễn Thiện T, sinh ngày: 20/9/2018. Hiện nay hai con đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Nguyễn Phi Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT B, hôn nhân có tìm hiểu trước hai năm. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, gia đình có chuyện buồn nên anh đi chơi bài bạc dẫn đến mâu thuẫn gia đình vì không đủ tiền chi tiêu, thiếu nợ. Năm 2018, khi chị L có thai người con thứ hai được khoảng sáu tháng, anh và chị vợ là Nguyễn Thị Hồng Ng có xảy ra xung đột, từ lúc đó gia đình chị L không cho anh qua lại với chị L. Đến ngày chị L gần sinh con, anh đưa chị L về quê và ở bên cạnh chăm sóc vợ con. Sau khi chị L sinh con được vài tháng, chị L về Long An phụ người chị buôn bán. Anh đi làm xa thỉnh thoảng có về thăm vợ con, chị L cũng vui vẻ nhưng đến khi mẹ vợ của anh biết thì ngăn cản không cho chị L tới lui với anh. Từ đó vợ chồng anh khoảng cách xa dần, tình cảm thay đổi nên chị L yêu cầu ly hôn, anh không thống nhất ly hôn vì vẫn còn thương vợ con.

Về việc nuôi con: Có hai con chung tên Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày: 08/5/2012 và Nguyễn Thiện T, sinh ngày: 20/9/2018. Hiện nay hai con đang sống chung với chị L. Anh Th yêu cầu được nuôi dưỡng Thiện Đ, thống nhất giao Thiện T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông là cha ruột của anh Nguyễn Phi Th, ông không có mâu thuẫn gì với anh Th, chị L. Anh Th và chị L cưới nhau năm nào ông không nhớ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT B. Sau khi cưới, hai vợ chồng L, Th lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Đến khi sinh được đứa con thứ hai thì về nhà chị của L sinh sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Th ghen tuông. Khi cháu Thiện T được một tuổi, vợ chồng L Th không còn sống chung cho đến nay. Gia đình người lớn hai bên cũng không gặp nhau để hàn gắn. Chị L, anh Th có hai con chung, hiện nay hai cháu đang sống chung với chị L và ông bà ngoại. Anh Th thì đang làm cơ khí tại Tây

Ninh. Những lần Tòa án mời anh Th về làm việc, ông nhận giấy thay và có giao lại cho anh Th nhưng do bận làm việc nên anh Th không đến tòa án được. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Th thì tùy quyền quyết định của anh Th, ông không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc L với anh Nguyễn Phi Th. Về việc nuôi con: Giao hai con chung tên Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày: 08/5/2012 và Nguyễn Thiện T, sinh ngày: 20/9/2018 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L tự nguyện không yêu cầu. Về chia tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Nguyễn Phi Th là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc L là có căn cứ, vì: Đời sống vợ chồng của chị L, anh Th thường xuyên cãi vã nhau do anh Th không chăm lo cho vợ con, chị L có khuyên nhiều lần nhưng anh Th không sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và đã ly thân hơn hai năm nay. Ông D là cha anh Th trình bày do anh Th ghen tuông dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng hiện nay chị L, anh Th đã không còn sống chung cho thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng. Xét, việc anh Th trình bày không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm, mong muốn đoàn tụ là chưa phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không đến tham gia các phiên hòa giải, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa anh Th thừa nhận anh và chị L mâu thuẫn do anh có đi chơi bài bạc, không chăm lo vợ con, vợ chồng không còn sống chung từ khi chị L sinh con thứ hai cho đến nay. Từ khi không còn sống chung, anh Th có đến gặp chị L vài lần để đoàn tụ nhưng không thành cho thấy tình cảm của anh và chị L đã rạn nứt, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc L đối với anh Nguyễn Phi Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về việc nuôi con: Có 2 con chung tên Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày: 08/5/2012 và Nguyễn Thiện T, sinh ngày: 20/9/2018. Hiện nay hai con đang sống chung với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Thiện Đ chưa đầy 36 tháng tuổi và cháu Thiện T còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ trong việc ăn uống, sinh hoạt, cháu Đ cũng có nguyện vọng sống chung với chị L. Từ trước đến nay hai cháu Thiện Đ, Thiện T đều sống chung với chị L, không nên làm thay đổi môi trường sống của hai cháu làm ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ nhỏ. Hiện nay, chị L đang buôn bán nhỏ có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con và đảm bảo quyền lợi về mặt của con. Xét việc anh Th yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thiện Đ, nhưng hiện nay công việc của anh Th làm thuê ở Tây Ninh, không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Thiện Đ, Thiện T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nuôi con nhưng tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền thăm nom con chung: Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0001182 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Bị đơn anh Nguyễn Phi Th không phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trúc L. Cho chị Nguyễn Thị Trúc L ly hôn với anh Nguyễn Phi Th.

2. Về việc nuôi con: Giao hai con chung tên Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày: 08/5/2012 và Nguyễn Thiện T, sinh ngày: 20/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Trúc L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L tự nguyện không yêu cầu.

4. Về nghĩa vụ thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc L chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0001182 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 7 năm 2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thị Trang

